LĂNG-GIÀ A-BẠT-ĐA-LA BẢO KINH CHÚ GIẢI

QUYỂN 3
(Phần 2)

1. Ý Bồ-tát Đại Tuệ cho rằng tất cả pháp vô tự tánh:

Đại Tuệ lại bạch Phật rằng: Như Thế tôn nói: "Do các thứ vọng tưởng làm, vọng tưởng các tánh, chăng phải có tự tánh kia, chỉ là vọng tưởng tự tánh thôi! Bạch Đức Thế tôn! Nếu chỉ là tự tánh vọng tưởng, chẳng phải tánh, tự tánh đối đãi nhau, chẳng phải Thế tôn nói như vầy phiền não thanh tịnh, không có tánh lỗi chăng! Vì tất cả pháp do vọng tưởng tự tánh phi tánh". Như Thế tôn nói... Đây là Đại Tuệ lãnh ý Như lai nói về các vọng tưởng, làm nguyên nhân đầu cho nghi vấn. Kia kia là nói các vọng tưởng kia. Nhưng các pháp vốn không có thật tánh, chỉ do vọng tưởng mà thôi! Nhưng Đại Tuệ còn có nghi, nói nếu chỉ là vọng tưởng tự tánh, chẳng phải các pháp có tự tánh, tự tánh này đối đãi với chẳng phải tự tánh, đâu chẳng phải Thế tôn nói các pháp nhiễm tịnh dều không thật tánh ư! Ý Đại Tuệ cho rằng tất cả pháp vô tự tánh, vọng tưởng có tự tánh là khó.

2. Có tự tánh là sai:

"Phật bảo Đại Tuệ: Đúng thế, đúng thế, như ông đã nói. Này Đại Tuệ! chẳng phải như kẻ ngu tánh tự tánh vọng tưởng chân thật, tự tánh vọng tưởng này chẳng có tướng tánh tự tánh". Trong đây đáp trước có nói như thế, nghĩa là các pháp không có tự tánh gọi đó là vọng tưởng. Có tự tánh là sai, chẳng như kẻ ngu v.v... Nói không đồng với phàm phu kia vọng tưởng chấp tánh tự tánh cho là chân thật. Lại nói rằng vọng tưởng tự tánh này, v.v... Kinh Nhập Lăng-già chép: Đây chỉ là vọng chấp, không có tánh tướng.

3. Nói có tánh tự tánh là hiển lý:

Này "Đại Tuệ! Như Thánh trí có tánh tự tánh, Thánh tri, Thánh kiến, Thánh tuệ nhãn. Cũng thế, Thánh tự tánh tri. Đại Tuệ bạch Phật:

nếu bậc Thánh dùng Thánh tri kiến Thánh tuệ nhãn, chẳng phải thiên nhãn, chẳng phải nhục nhãn, tánh tự tánh biết như thế, chẳng phải nluống dối tưởng của kẻ ngu. Bạch Đức Thế tôn! Làm thế nào kẻ ngu lìa được vọng tưởng ấy. Vì chẳng giác việc Thánh tánh. Bạch Đức Thế tôn! Họ cũng chẳng điên đảo, chẳng phải không điên đảo. Vì sao? Vì họ chẳng giác Thánh sự tánh tự tánh, vì chẳng thấy lìa tướng hữu vô". Trên đây là nói tự tánh phi tánh là bỏ tình. Đây nói có tánh tự tánh là hiển lý. Nhưng lý tánh như thật này, chẳng phải là Phật trí, Phật nhãn, chẳng thể thấy biết nên nói Thánh trí Thánh kiến v.v... Phật đã dùng cảnh giới tự chứng nêu bày, Đại Tuệ liền lãnh ngộ ý chỉ này. Lại thưa hỏi rằng: Nếu quả như Thánh tri kiến, chẳng phải tri kiến của phàm phu, cho nên nói chẳng phải thiên nhãn, chẳng phải nhục nhãn v.v... Do đó lại nghi và vặn hỏi rằng: Kẻ ngu đã không thể hiểu biết Thánh sự tự tánh thì làm sao lìa được vọng tưởng có thể hiểu rõ lý này! Do ở trên nói Thánh phàm chỗ thấy khác nhau, cho nên nói họ cũng chẳng phải điên đảo, cũng chẳng phải không điên đảo. Lại tự nêu giải thích nói rằng do chẳng giác Thánh sự tự tánh, là nói phàm phu chẳng phải không điên đảo; vì chẳng thấy lìa tướng hữu vô, nói bậc Thánh chẳng điên đảo. Vì chỗ thấy của bậc Thánh chẳng có gì là không chân thật, không thấy có một pháp nào xả bỏ.

4. Biết đúng như thật vọng tưởng không thật:

"Thế tôn! Bậc Thánh cũng chẳng như thế thấy như việc vọng tưởng, vì chẳng lấy cảnh giới tự tướng làm cảnh giới. Thế tôn! Kia cũng là tướng tánh tự tánh, vọng tưởng tự tánh như thế hiện, vì chẳng nói nhân, vô nhân, nghĩa là rơi vào chấp tánh tướng. Cảnh giới khác chẳng phải như kia v.v... như thế mắc lỗi vô cùng. Bạch Đức Thế tôn! Vì chẳng giác tướng của tánh tự tánh. Bạch Đức Thế tôn! Cũng chẳng phải vọng tưởng tự tánh do tướng của tánh tự tánh. Kia vì sao lại vọng tưởng chẳng phải vọng tưởng, như thật biết vọng tưởng. Bậc Thánh cũng không như vậy v.v... Kinh Nhập Lăng-già chép: Bậc Thánh cũng không như phàm, chỗ phân biệt như vậy mà được, vì chẳng lấy cảnh giới tự tướng làm cảnh giới. Kia cũng tánh tự tánh, là nói bậc Thánh cũng có tánh tướng chân thật, bậc Thánh đã có tánh ấy, kẻ ngu ngu cố nhiên cũng có, cho nên nói vọng tưởng tự tánh như thế hiện. Nhưng tánh tướng Như lai chân thật lìa nhân duyên và vô nhân tánh, mà phàm ngu vọng tưởng tự tánh thì rơi vào kiếp chấp tánh tướng. Cảnh giới tu hành của bậc Thánh đã khác với phàm phu thì không như kia rơi vào cái thấy tánh tướng, mắc lỗi vô cùng. Do không thể giác biết rõ tướng tánh tự

tánh, cũng chẳng phải vọng tánh tưởng tự v.v... nói tánh tướng các pháp không do đâu mà phân biệt, thì tại sao nói phân biệt mà có ư! Cho nên tổng kết vặn hỏi rằng: Phàm phu kia vì sao được vọng tưởng phi vọng tưởng, biết đúng như thật vọng tưởng không thật?

5. Cái thấy sai lầm của phàm phu:

Bạch Đức Thế tôn! Vọng tưởng khác, tướng tự tánh khác. Bạch Đức Thế tôn! Không có nhân tương tự tướng vọng tưởng tự tánh, kia vì sao mỗi mỗi chẳng vọng tưởng? Kẻ ngu không biết đúng như thật. Nhưng Phật vì chúng sinh lìa vọng tưởng nên nói như tướng vọng tưởng, chẳng như thật có. Bạch Đức Thế tôn! Vì sao ngăn chúng sinh có kiến chấp hữu vô, sự tự tánh chấp đắm, cảnh giới sở hành của Thánh trí chấp đắm rơi vào chấp hữu? Nói không pháp phi tánh, mà nói việc Thánh trí tự tánh. Nói vọng tưởng khác v.v... nghĩa là phàm phu phân biệt có khác, thấy các pháp tánh tướng có khác. Nói không có nhân tương tự, nghĩa là vì chỗ thấy không tương tợ. Các pháp đâu có thường mà tự cho rằng khác, chẳng khác. Mỗi mỗi là các pháp. Chỉ vì phàm ngu không thể giác biết đúng như thật! Nhưng Như lai nói các pháp như vậy, vì muốn cho chúng sinh lìa vọng tưởng, hiểu rõ các pháp đều chẳng thật có. Vì sao Thế tôn! ngăn chúng sinh v.v... là nói vì sao Thế tôn ngăn các chúng sinh không nên chấp đắm có không, mà sao lại chấp đắm cảnh giới Thánh trí rơi vào chấp có. Vì sao không nói pháp vắng lặng mà nói việc Thánh trí tự tánh ư!

6. Trụ trong cái không mầu nhiệm rốt ráo:

"Phật bảo Đại Tuệ: Chẳng phải ta nói pháp không phi tánh, cũng chẳng rơi vào chấp có, nói việc Thánh trí tự tánh. Nhưng vì muốn cho chúng sinh lìa câu sợ hãi. Chúng sinh từ vô thỉ đến nay chấp đắm tướng tánh tự tánh, Thánh trí sự tự tánh, chấp đắm tướng kiến nói pháp không. Này Đại Tuệ! Ta không nói tướng tánh tự tánh. Này Đại Tuệ! Ta chỉ trụ tự được không pháp như thật, lìa hoặc loạn tướng kiến, lìa kiến chấp tự tâm hiện ra tánh phi tánh, được ba môn giải thoát, ấn như thật ấn mà ấn, đối với tánh tự tánh được duyên tự giác quán sát trụ, lìa tướng chấp hữu vô". Trong đây đáp, trước hết nêu vặn hỏi kia nói lìa câu sợ hãi, nghĩa là chúng sinh nghe bất sinh sợ hãi, nghe có sinh chấp đắm nên nói việc tự tánh Thánh trí để dẫn dắt. Nhưng việc Thánh trí tất nhiên chẳng phải có không, mà chấp có chính là nói không pháp để trị. Cho nên biết nói không nói có đều vì chúng sinh, thật ra Phật không hề nói có thật pháp. Cho nên nói rằng: ta không nói tướng tánh tự tánh, tức nêu bày pháp tự chứng rằng: Chỉ ta trụ được pháp không đúng như thật, tức vốn trụ trong

cái không mầu nhiệm rốt ráo, không rơi vào tà kiến điên đảo hoặc loạn, mà thường ở Trung đạo, cho nên lìa các kiến chấp tự tâm hiện tánh phi tánh, liền được chứng ngộ ba thứ giải thoát, đạt được ấn chứng như thật, thấy pháp tự tánh, biết rõ cảnh giới bậc Thánh, lìa tất cả các sự chấp đắm hữu vô.

7. Nói về lý do không nên lập tông:

"Lại nữa Này Đại Tuệ! Tất cả pháp chẳng sinh, Đại Bồ-tát chẳng nên lập tông ấy, vì tông tất cả tánh phi tánh và vì nhân sinh tướng kia nói tất cả pháp chẳng sinh làm tông, tông kia sẽ hoại. Tông kia tất cả pháp chẳng sinh, tông kia sẽ hoại, vì tông có đối đãi mà sinh. Lại vì tông kia bất sinh, nhập tất cả pháp. Vì tướng bất hoại chẳng sinh lập tất cả pháp bất sinh làm tông, thì thuyết kia sẽ hoại. Này Đại Tuệ! Có không chẳng sinh làm tông, tông kia vào tất cả tánh tướng hữu vô chẳng thật có. Này Đại Tuệ! Nếu làm cho tông kia bất sinh thì dùng tất cả tánh bất sinh mà lập tông, như Thế tông kia hoại, vì tánh tướng hữu vô chẳng sinh, chẳng nên lập tông. Vì năm phần luận nhiều lỗi, vì xoay vần nhân tướng khác, và vì tạo tác, chẳng nên lập tông phần, cho rằng tất cả pháp bất sinh, như thế tất cả pháp không, như thế tất cả pháp vô tự tánh, chẳng nên lập tông". Ở trên nói vọng tưởng và Thánh trí đều không, chính là chân vọng đều quên bỏ, là nghĩa bất sinh, sợ Bồ-tát lập đây làm tông, lẫn lộn đối với chấp đắm của ngoại đạo, cho nên nói dùng đây để bác bỏ. Nói tất cả pháp bất sinh thì nói tưởng đều dứt bặt. Nói đã chẳng đúng thì huống chi lập tông sai ư! Như ngoại đạo kia lập bất sinh tông, trái lại sinh cành lá, cho nên nói chẳng nên lập làm tông. Vì sao? Trở xuống là giải thích nghĩa kia, vì tông tất cả tánh phi tánh, ý nói tông phải có chủ. Nếu tông tất cả tánh, tánh tự phi tánh, thì nghĩa tông ở đâu? Hễ nói bất sinh thì phải có nhân sinh lập, đã có đối đãi thì bất sinh, thành nghĩa sinh tử hoại bất sinh, nên kia chẳng nên lập tông là một. Lại nữa tông kia bất sinh, sẽ nhập vào tất cả pháp. Nói nghĩa bất sinh này trùm khắp tất cả các pháp thế gian. Nói vì tướng bất hoại chẳng sinh, Kinh Nhập Lăng-già chép: tướng bất sinh cũng chẳng sinh, nói các pháp đều vốn bất sinh đâu đợi lập ư! Cho nên thuyết kia sẽ hoại, nên kia chẳng nên lập tông là hai. Nói hữu vô bất sinh, trước cho là vô vi bất sinh, ở đây là chuyển sang chấp hữu vô đều bất sinh. Nói nhập tất cả tánh, tánh tức pháp, nghĩa là hữu vô bất sinh, cũng trùm khắp tất cả pháp, đều lìa tướng hữu vô, dù có chuyển sang chấp tánh tướng hữu vô, đều không thể được, đây cũng là nghĩa bất sinh, kia không nên lập tông là ba. Năm phần luận nhiều lỗi, nghĩa của năm phần luận thấy chú giải

ở trước. Nhiều lỗi chỉ ra ba lỗi của tông, nhân, dụ. Ban đầu "tông" có chín lỗi, đó là: hiện lượng trái nhau, Thánh giáo trái nhau, thế gian trái nhau, tỷ lượng trái nhau, tự ngữ trái nhau, phù hợp nhau cùng cực, năng biệt không cùng cực, sở diệt không cùng cực và câu biệt không cùng cực. Kế là "nhân" có mười bốn lỗi, đó là: Trùm khắp là y theo pháp tánh. Trong tướng ban đầu có bốn thứ không thành: Tùy một không thành, Sở y không thành, Lưỡng câu không thành. Do dự không thành. Hai tướng sau cộng chung có mười lỗi. Có sáu thứ bất định đó là: đồng phần dị toàn bất định, dị phần đồng toàn bất định, câu phẩm nhất phần chuyển bất định, cộng bất định, bất cộng bất định và quyết định trái nhau bất định. Có bốn thứ trái nhau: Pháp tự tướng trái nhau, Pháp khác nhau trái nhau, hữu pháp tự tướng trái nhau, Hữu pháp khác nhau trái nhau. Ba đồng "dụ" có năm lỗi, trong dụ riêng có năm lỗi. Trong đồng dụ chép: Sở lập bất thành, năng lập bất thành, câu bất thành, vô hợp, đảo hợp. Trong dụ riêng chép: Năng lập bất khiển, sở lập bất khiển, câu bất khiển, bất ly, Đảo ly. Gồm ba mươi ba lỗi, lần lượt nhân tướng khác, là nói kia chuyển chấp nhân tướng khác nhau và rơi vào hữu vi hữu tác, kia không nên lập tông là bốn. Lại cho rằng tất cả pháp bất sinh, lại nói không, lại nói vô tự tánh. Ba thứ này nếu mỗi mỗi lập tông thì có nhiều tông, vì thế kia không nên lập tông là năm.

8. Nói vì sao lập tông là trái:

"Này Đại Tuệ! Nhưng Đại Bồ-tát nói tất cả pháp như huyễn mộng, vì hiện tướng và chẳng hiện tướng và vì thấy lỗi của giác tưởng, nên nói tất cả pháp tánh như huyễn mộng. Chớ giúp cho kia sinh sợ hãi, lìa bỏ kinh Đại thừa". Trên đã bác bỏ lập tông là trái. Ở đây nói về việc đó, cho nên nói với Đại Tuệ rằng: nên nói tất cả pháp như huyễn mộng, tướng hiện và chẳng hiện. Hiện chẳng hiện nghĩa là chẳng thật có. Và giúp cho chúng sinh xa lìa lỗi thấy, nghe, hay, biết. Lại nói rằng: Phải nói rằng dứt trừ vì kẻ ngu, vì kẻ ngu rơi vào cái thấy có không. chẳng nói như huyễn mộng thì không lìa hai kiến chấp kia. Lại sợ căn cơ Tiểu thừa nghe bất hữu bất vô này mà sinh sợ hãi, không theo Đại thừa nên răn bảo rằng: chớ để họ kinh sợ, xa lìa Đại thừa, ý khiến cho Bồ-tát tùy theo căn cơ mà nói pháp.

9. Đức Thế tôn nói kệ để lặp lại nghĩa trên:

Khi ấy, Đức Thế tôn muốn lặp lại nghĩa này nên nói kệ rằng:

a) Tất cả pháp bất sinh, vốn vô tự tánh:

Vô tự tánh, không nói
Không sự, không nối nhau

Kẻ ngu kia vọng tưởng
Như ác giác thây chết
Tất cả pháp bất sinh
Chẳng phải tông ngoại đạo
Rốt ráo, không chỗ sinh
Tánh duyên được thành tựu
Tất cả pháp bất sinh
Người trí không khởi tướng
Vì tông kia nhân sinh
Người giác đều dứt trừ.

Bài tụng trên nói tất cả pháp bất sinh, nói tất cả pháp vốn vô tự tánh, đâu có lời nói, không lời nói thì vô sự, vô sự thì không có tướng nối nhau. Đây là từ đầu đến cuối đều bất sinh, chỉ do kẻ ngu kia vọng tưởng phân biệt lập tông bất sinh, vì kia vô tri ác giác như thây chết, nên Phật nói tất cả pháp bất sinh, đâu phải ngoại đạo kia lập tông bất sinh. Đến rốt ráo không có chỗ sinh... là nói tánh vốn bất sinh do nhân duyên mà sinh. Nhân duyên còn không thật có thì các pháp đâu có sinh ư! Nhưng người có trí tuệ còn không nghĩ là bất sinh, đâu có nghi là sinh, tông kia nói bất sinh, là nhân sinh mà có bất sinh, đó là có đối đãi. Người giác ngộ thì không có kiến chấp này, cho nên nói đều trừ diệt.

b) Dụ cho chẳng có mà có:

"Thí như mắt có màng
Vọng thấy tướng tóc rũ
Chấp đắm tánh cũng vậy
Kẻ ngu tà vọng tưởng
Lập bày ra ba cõi
Không có sự tự tánh
Lập bày việc tự tánh
Suy nghĩ sanh vọng tưởng
Tướng sự lập ngôn giáo
Ý loạn rất lăng xăng
Phật tử khéo thoát ra
Xa lìa các vọng tưởng".

Thí như mắt có màng v.v... là nói sự khác nhau giữa chánh và tà. Mắt bệnh tóc rũ đều thấy ở trước đã có chú giải. Dụ cho chẳng có mà có. Ba hữu tức ba cõi, nghĩa là ba cõi vốn không, cho nên nói lập bày ra ba cõi, không có sự tự tánh. Lập ra là lập ra. Do vọng tưởng mà có lập bày, do đó Như lai lập ra ngôn giáo để giáo hóa, nghĩa là chỉ dùng

danh tự giả huyễn để dẫn dắt chúng sinh, mà chúng sinh không thông đạt, trái lại đối với ngôn giáo khởi tâm phân biệt, loạn động tâm thức, cho nên nói ý loạn rất lăng xăng, chỉ có Bồ-tát mới xa lìa được lỗi này để vượt ra ba cõi.

c) Bồ-tát thấy được hữu vô bình đẳng thì thành quả Phật:

"Chẳng phải nước, tưởng nước
Đây từ khát ái sinh
Kẻ ngu lầm như thế,
Thánh thấy đó chẳng đúng
Bậc Thánh thấy thanh tịnh
Ba thoát, Tam-muội sinh
Xa lìa sự sinh diệt
Dạo trong vô sở hữu
Tu hành vô sở hữu
Cũng vô tánh, phi tánh
Tánh phi tánh bình đẳng
Từ đây sinh quả Thánh".

Chẳng phải nước tưởng nước, là nói chẳng phải nước mà vọng tưởng là nước, vì khát cho nên như vậy. Cũng như nai khát nước thấy bóng nắng tưởng nước, bèn rong ruổi chạy đến tìm nước uống. Đây là dụ cho kẻ ngu chẳng có mà chấp có, bậc Thánh thấy đó không. Bởi bậc Thánh dùng Thánh trí quán thấy tướng ba cõi, không có phiền não sinh tử cho nên nói là thanh tịnh. Tam thoát tuệ là Tam-muội định. Định tuệ đã sinh, thoát ra sinh diệt, dạo trong vô sở hữu, vô sở hữu tức rốt ráo không. Nói tu hành vô sở hữu, Bồ-tát tu được như vậy, cũng khế hợp với lý phi hữu phi vô, cho nên nói cũng vô tánh phi tánh, như vậy thì hữu vô bình đẳng, thành quả Phật.

d) Phá hoại được chấp kia trở lại lý bản tâm bình đẳng:

Thế nào tánh phi tánh?
Thế nào là bình đẳng?
Rằng tâm kia chẳng biết
Trong ngoài rất xao động
Nếu phá hoại được kia
Tâm sẽ thấy bình đẳng.

Đức Phật tự nêu ra để giải thích, ý nói hữu vô bình đẳng, Thánh phàm như một, do mê ngộ nên có khác, mê thì chẳng biết ngoài tâm không có pháp, do gió cảnh giới làm xao động, ngộ thì dứt bỏ được kiến chấp kia, trở lại lý bản tâm bình đẳng.

10. Chỗ lập bày đều là vọng tưởng giả danh:

"Khi ấy, Bồ-tát Đại Tuệ lại bạch Phật: Bạch Đức Thế tôn! Như Thế tôn nói như việc phan duyên trí tuệ chẳng được, đó là thi thiết lượng, kiến lập, sở nhiếp thọ chẳng có tánh, năng nhiếp thọ cũng chẳng có tánh. Do không nhiếp thọ cho nên trí chẳng sinh, chỉ là đặt tên mà thôi." Do ở trên nói lìa phan duyên gọi là trí, lại dùng trí tuệ chẳng được thưa hỏi. Như Thế tôn nói việc phan duyên là nói trần cảnh thế gian, chính là việc mà kẻ ngu duyên theo. Dùng chánh trí quán sát đều không thật có, nên nói không được, đó là thi thiết lượng lập ra. Thi thiết tức là cảnh giới vọng tưởng dựng lập ở trước, cảnh giới đã không thật có, thì năng thủ, sở thủ cả hai đều không, cho nên nói trí thì bất sinh. Chỗ lập bày đều là vọng tưởng giả danh mà thôi.

11. Trí tuệ không thật có:

"Thế tôn? Vì sao tánh bất giác nên tự tướng, cộng tướng, khác, chẳng khác, mà người trí chẳng được ư! Vì tự tướng, cộng tướng, các thứ tướng, tánh tự tánh che khuất cho nên trí chẳng được! Vì núi đá, tường vách, nước, lửa, gió ngăn che mà người trí chẳng được hay sao! Vì rất xa hay rất gần mà người trí chẳng được ư? Vì già trẻ, mù lòa, các căn không đủ mà người trí chẳng được ư?" Bạch Đức Thế tôn! Nếu bất giác tự tướng, cộng tướng, khác, chẳng khác mà người trí chẳng được thì không nên nói trí, nên nói không trí, vì có việc không thật có. Nếu lại các thứ tự tướng, cộng tướng, tướng của tánh, tự tánh che khuất mà người trí chẳng được thì kia cũng vô trí, chẳng phải là trí. Bạch Đức Thế tôn! Vì có sở tri nên trí sinh, chẳng phải vô tánh, hiểu sở tri nên gọi là trí. Nếu núi đá, tường vách, đất nước, lửa gió rất xa hay rất gần, già trẻ mù lòa các căn chẳng đủ, mà trí chẳng sinh thì đây cũng chẳng phải trí, nên gọi là vô trí, vì có việc không thể thật có.

Đoạn trên đây nói trí tuệ không thật có, tất nhiên đã giải thích, sợ người học chưa hiểu nên lặp lại vài nghi vấn ý muốn cho họ phá trừ vọng trí để hiển bày chân trí. Mỗi vọng chấp thưa hỏi kỹ càng, ban đầu vì không học tánh của tự tướng cộng tướng... nghĩa là các pháp ấm, giới, nhập... đều không hiểu biết có tự tướng, cộng tướng, khác, chẳng khác. Cho nên nói trí không thật có. Lại nói vì tự tướng, cộng tướng, các thứ tướng, tánh, tự tánh che khuất, không được gọi là trí, như vặn hỏi các ở dưới thì trí không gọi là trí. Văn có nêu rõ không giải thích.

12. Bác bỏ câu hỏi ở trên:

"Phật bảo Này Đại Tuệ! Chẳng phải như thế mà không trí, lẽ ra là trí, chẳng phải không trí, ta chẳng nói che lấp như thế. Việc phan

duyên trí tuệ chẳng thật có, ấy là lượng thi thiết dựng lập. Giác tự tâm hiện lượng, hữu vô có ngoại tánh phi tánh, biết mà sự chẳng thật có. Vì chẳng thật có nên trí tuệ đối với trí chướng bất sinh. Thuận theo ba môn giải thoát, trí cũng chẳng thật có. Chẳng phải vọng tưởng từ vô thỉ tánh, phi tánh, thói quen luống dối, hiểu biết như thế, đây biết kia chẳng biết". Trong đây đáp nói là chẳng đúng, là bác bỏ vặn hỏi kia. Nói vô trí tức là trí, phi trí mà trí thể cũng không thật có, cho nên nói phi phi trí. Nếu theo Đại luận thì vô trí là không, đáng lẽ trí này là giả. Phi phi trí là trí Trung đạo. Ba trí như thế được trong một tâm, đắc mà không đắc, đó gọi là trí tuệ bất đắc. Ta chẳng nói che lấp như thế, ý Phật dạy ta nói như thế, là hiển bày chẳng che lấp. Tuy cũng thường có thuyết che lấp, như văn sau có nói... Nhưng, thích hợp với ẩn thì ẩn, thích hợp với hiển thì hiển. Ở đây chẳng phải ẩn. Giác tự tâm hiện lượng trở xuống chính là hiển bày chân trí, nghĩa là hiểu rõ cảnh hữu vô do tự tâm hiện. Ngoại tánh phi tánh, là các pháp vốn không, như vậy mà biết, biết mà không biết, đó gọi là sự chẳng thật có, sự tức là cảnh, cảnh đã không thật có thì trí cũng bất sinh. Sở tri là trí chướng. Nhập ba môn giải thoát trí thể cũng mất. Chẳng vọng tưởng là phân biệt với biết vọng, nghĩa là chẳng phải như tất cả phàm phu vọng tưởng huân tập luống dối có không từ vô thỉ đến pháp trí, biết các pháp duy tâm, biết sự vật kia mà không biết tự tánh, thì mất trí ở vật, nên nói đây biết kia chẳng biết.

13. Do phân biệt nên đối với pháp bên ngoài hữu vô quán chẳng thật có mà sinh chấp đoạn:

"Cho nên đối với việc bên ngoài, chỗ nơi, tướng tánh, vô tánh, vọng tưởng chẳng dứt. Tự tâm hiện lượng, dựng lập, nói tướng ngã, ngã sở nhiếp thọ chấp đắm. Chẳng giác tự tâm hiện lượng, đối với trí sở tri mà khởi vọng tưởng. Vọng tưởng nên ngoại tánh, phi tánh, quán sát chẳng được, nương vào chấp đoạn". Đây là nương văn trên mà nói, nghĩa là kia vọng biết đối cảnh giới bên ngoài, hình tướng hữu vô, phân biệt không dứt, đây là đối với tự tâm hiện lượng vọng tự lập ra, chấp nhân ngã, pháp ngã mà sinh chấp đắm, do không giác biết là tự tâm lượng nên đối với cảnh bên ngoài ở trước vọng tưởng chẳng dứt rơi vào chấp thường, đối với hậu trí thể năng sở không quên, chuyển thành trí chướng mà khởi phân biệt. Do phân biệt nên đối với ngoại pháp hữu vô quán sát chẳng thật có, mà sinh chấp đoạn.

14. Đức Thế tôn nói kệ để lặp lại nghĩa trên:

Khi ấy, Đức Thế tôn muốn lặp lại nghĩa này nên nói kệ rằng:

"Có các việc phan duyên

Trí tuệ chẳng quán sát
Đây vô trí, phi trí
Nói cho người vọng tưởng
Đối tánh tướng chẳng khác
Trí tuệ chẳng quán sát
Chướng ngại và xa gần
Đó gọi là tà trí
Già trẻ các căn tối
Mà trí tuệ chẳng sinh
Thật sự có trí chướng
Ấy cũng gọi tà trí".

Có cảnh để duyên, là trí phàm phu, biết rõ cảnh duy tâm là trí của chánh trí. Chánh trí thì vô duyên mà duyên, đó gọi là vô trí. Vì vô trí này là phi trí, là nói vọng tưởng của phàm phu. Bài tụng trên nói về ý nghĩa trí tuệ không thật có, đối với tánh tướng chẳng khác, trí tuệ chẳng quán sát, tự tướng, cộng tướng khác, chẳng khác trong bài tụng này. Ý nói không quán sát, tức là trí tuệ không thật có, còn các điều khác đều có thể thấy trong bài tụng.

15. Lại nói về tông thông và thuyết thông:

"Lại nữa Này Đại Tuệ! Phàm phu ngu si luống dối từ vô thỉ, bị ác tà vọng tưởng xoay chuyển. Khi bị xoay chuyển thì tự tông thông và thuyết thông không khéo hiểu biết, vì chấp tánh tướng bên ngoài do tự tâm hiện nên chấp thuyết phương tiện, đối với tướng chung thanh tịnh bốn câu của tự tông chẳng khéo phân biệt. Đại Tuệ bạch Phật: Thật như Thế tôn dạy, xin Thế tôn phân biệt thuyết thông và tông thông. Con và các Đại Bồ-tát hiểu rõ hai thông, phàm phu, Thanh văn, Duyên giác đời sau nghe được sẽ hết lầm lạc". Tướng tông thông, thuyết thông trước đã nói rồi, ở đây lại nói là vì sao? Trước chung ba thừa chỉ có Phật. Lại nữa trước vì chúng thỉnh, ở đây Phật tự nói. Nói phàm phu ngu si, nghĩa là hai pháp này ở phàm chưa hề không có, chỉ vì bị mê chuyển cho nên toàn thể không biết. Xoay chuyển, nghĩa là quên mình nên chạy theo trong chạy theo ngoài, chỉ vì chấp tướng cảnh giới bên ngoài do tự tâm hiện, cũng chấp phương tiện lời nói cho nên đối với tướng chung thanh tịnh của tự tâm tông vốn lìa bốn câu mà không thể hiểu rõ. Bấy giờ Đại Tuệ do đó mà thưa hỏi. Nói không lầm lỗi, nghĩa là tông thông mà thuyết không thông, lỗi ấy là do hóa đạo, thuyết thông mà tông không thông. Lỗi ấy là do tự hành, cả hai đều thông thì không gọi là lỗi.

16. Lại nói về tông thông và thuyết thông:

Phật bảo Đại Tuệ: lành thay! Lành thay! Lắng nghe! Lắng nghe! Hãy khéo suy nghĩ, ta sẽ nói cho ông nghe. Đại Tuệ bạch Phật: Xin vâng thọ giáo. Phật bảo Đại Tuệ: Các Đức Như lai trong ba đời có hai thứ pháp thông, do là thuyết thông và tự tông thông. Thuyết thông là tùy theo sự thích ứng với tâm chúng sinh, nói cho nghe các thứ khế kinh, đó gọi là thuyết thông. Tự tông thông, nghĩa là người tu hành lìa tự tâm hiện các thứ vọng tưởng, nghĩa là chẳng rơi vào loại một, khác, chung, chẳng chung, vượt khỏi tất cả tâm ý, ý thức, cảnh của bậc Thánh tự giác, lìa nhân thành kiến, tướng. Tất cả ngoại đạo Thanh văn, Duyên giác rơi vào hai bên đều không thể biết. Ta nói đó là pháp tự tông thông. Này Đại Tuệ! Ấy gọi là tướng tự tông thông và thuyết thông, ông và các Đại Bồ-tát khác phải nên tu học". Trong đây đáp rằng Như lai ba đời có hai thông, hiểu rõ pháp tự hành hóa tha của các Đức Phật đều giống nhau. Trước nói về thuyết thông. Nói các khế kinh, tức chín bộ trước gồm nhiếp tất cả pháp cho nên nói các loại, nhưng cuối cùng quy về khế lý, khế cơ nên gọi là Khế kinh. Kế là nói về tông thông, pháp tự chứng vốn không thể nói, cho nên nương vào người tu để nói lên tướng kia. Nói lìa tự tâm hiện các thứ vọng tưởng... Nghĩa là không rơi vào bốn câu một, khác v.v... thì vọng tưởng không hành. Vọng tưởng không hành thì vượt ngoài tất cả tâm thức, đến cảnh giới của bậc Thánh tự giác. Nói lìa nhân thành kiến tướng, nhân thành tức nhân thành giả, nghĩa là ý căn đối với pháp trần mà khởi lên kiến chấp phân biệt. Lìa là lìa kiến chấp này. Nhưng pháp Như lai tự chứng, chẳng phải là năng tri sở tri tà ngoại thiên tiểu chấp đắm hai bên có không. Chỉ có Bồ-tát Đại thừa mới có khả năng tu chứng, cho nên răn bảo phải nên tu học.

17. Đức Thế tôn nói kệ để lặp lại nghĩa trên:

Khi ấy, Đức Thế tôn muốn lặp lại nghĩa này nên nói kệ rằng:

"Ta nói hai thứ thông
Tông thông và lời nói
Thuyết trao người mới học
Tông vì người tu hành".

Người mới học là người sơ cơ, đã hiểu thuyết thông chưa hẳn là ở sơ cơ, vì đối với tông thông mà nói đó thôi! Tông thông tuy là tu hành, mà nói tự chứng.

18. Đối với luận thuyết thế gian cẩn thận chớ gần gũi:

"Khi ấy, Bồ-tát Đại Tuệ bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế tôn! Như Thế tôn một hôm nói rằng các luận thế gian các thứ giảng nói dè dặt chớ gần gũi. Nếu gần gũi thì nhiễm phải tham dục, chẳng thọ nhận

pháp. Bạch Đức Thế tôn! Vì sao nói như thế? Phật bảo Đại Tuệ: Ngôn luận thế gian các thứ cú vị, nhân duyên thí dụ, gom nhóm trang nghiêm, dụ dẫn dối gạt kẻ phàm phu ngu si, không vào được chân thật tự thông, không giác ngộ tất cả pháp, vọng tưởng điên đảo rơi vào hai bên. Kẻ phàm ngu si hoặc mà tự phá hoại, tiếp nối sinh trong các cõi không được giải thoát, không thể giác biết tự tâm hiện lượng, chẳng lìa ngoại tánh, tự tánh, vọng tưởng chấp đắm.Cho nên ngôn luận thế gian các thứ giảng nói chẳng thoát khỏi sinh già bệnh chết, lo buồn khổ não, dối gạt mê loạn". Xét rằng luận có luận thế gian, luận xuất thế gian, cho nên đạo có chánh có tà, tuy không lập hai mà chưa hề không cùng đi chung ở thế gian, cho nên Như lai răn bảo đối với luận thế gian cẩn thận chớ gần gũi. Đại Tuệ do đó mà đặt câu hỏi nói Thế luận tức ngoại đạo Lô-già-da-đà, Hán dịch là Tả thế, cũng dịch là Ác luận. Luận này văn từ trau chuốt làm mê hoặc kẻ phàm ngu. Có gần gũi chỉ chấp nhận tài dục ở thế gian, không được pháp lợi. Trong đây đáp trước là bác bỏ sự sai lầm kia, vì ngôn luận của họ không giải thích chánh lý, không vào được địa chân thật tự thông, cuối cùng trở về hai bên mà thôi! Phàm ngu si hoặc trở xuống là nói về sự sai lầm của thọ tập, vì tự phá hoại chánh kiến, tiếp nối sinh tử trong các cõi, không do đâu giải thoát trở xuống là tướng các lỗi, rất dễ thấy.

19. Dẫn việc để chứng minh có lỗi:

Này "Đại Tuệ! Thích-đề-hoàn-nhân, giải thích rộng các luận, tự soạn Thanh luận. Thế luận kia có một người đệ tử giữ gìn hình tượng rồng, đến cung trời Đế-thích lập ra luận tông, mục đích là phá hoại bánh xe ngàn căm của trời Đế-thích. Nếu tôi thua thì xin chặt đầu để tạ lỗi. Nói lời cam kiết ấy rồi liền dùng pháp Đế-thích đè áp Đế-thích, Đế-thích thua liền phá bánh xe kia, rồi ông ta liền trở về nhân gian. Như thế Này Đại Tuệ! Ngôn luận thế gian nhân dụ trang nghiêm, dù cho súc sinh cũng hay dùng các thứ cú vị làm hoặc loạn các trời và A-tu-la dính mắc trong kiến chấp sinh diệt, huống chi là loài người. Cho nên Này Đại Tuệ! Ngôn luận thế gian nên phải xa lìa, vì làm cho chuốc lấy nhân sinh khổ, dè dặt chớ gần gũi". Đoạn này dẫn việc chứng lỗi. Thích-đề-hoàn-nhân, là tên khác của trời Đế-thích. Giữ hình tượng rồng nghĩa là biến thành thân rồng. Giao kiết Kinh Nhập Lăng-già chép: Giao kiết rằng: Này Kiều-thi-ca! Ta luận với ông, nếu ông thua thì phải phá bánh xe ngàn căm của Đế-thích. Nếu tôi thua thì xin chặt đầu để tạ lỗi đã thua. Liền dùng pháp Đế-thích, nghĩa là liền dùng pháp mà trời Đế-thích dùng để soạn luận mà vẫn nạn. Rơi và chỗ thua tức là không

thắng, nghĩa là Đế-thích không thắng. Cho đến súc sinh, như loại biến thành thân rồng. Lại nói nên phải xa lìa luận thế gian, nghĩa là luận kia làm hại như vậy, có thể không thân trọng hay sao?

20. Nói về cảnh giới giác tưởng của thân:

Này Đại Tuệ! Thế luận, chỉ nói cảnh giới giác tưởng của thân mà thôi này. Này Đại Tuệ! Thế luận kia có đến trăm ngàn, chỉ ở thời sau, sau năm mươi năm sẽ phá hoại kiết tập, ác giác chấp người hưng thạnh, nên đệ tử ác thọ nhận như thế. Này Đại Tuệ! Thế luận phá hoại kiết tập, các thứ cú vị, nhân dụ trang nghiêm, nói việc ngoại đạo, tự đắm nhân duyên, không có tự thông. Này Đại Tuệ! các ngoại đạo kia, không tự thông luận, đối các thế luận nói rộng vô lượng trăm ngàn sự môn, không có tự thông, cũng không tự biết thế luận ngu sĩ". Thế luận trở xuống là nêu lại luận kia để lập ra. Cảnh giới thân giác, nghĩa là cảnh giác tưởng của thân năm ấm. Tuy thế luận kia có đến trăm ngàn nhưng cùng cực tông thú kia không lìa tình thức đâu biết có chí đạo. Năm mươi năm sau phá hoại kiết tập, xét Luận Kim Cương Công Đức Thi nói tuổi thọ con người sống đến trăm tuổi chia làm hai phần: Năm mươi năm đầu giáo lực tăng trưởng, năm mươi năm sau giáo lực dần dần suy yếu. Nói khi chánh pháp sắp diệt, hoặc sẽ nói năm trăm năm sau, chữ mười sợ là lầm, phá hoại sự kiết tập chánh giáo của Như lai, vì ác giác điên đảo khổ nhân tà kiến hưng thạnh, nên các loại ác đảng thọ tập thuyết kia, tự chịu chìm đắm. Như thế trở xuống là kết thúc bác bỏ, nói chấp đắm nhân duyên của mình, như giác tưởng của thân đã nói mà thôi, không thể dùng lý tự thông nên nói không có tự thông. Do không thể tự thông, tuy nói rộng trăm ngàn sự môn, cũng không hơn việc hoặc loạn thế pháp này kia không tự biết, thật là đáng thương!

21. Nêu lên chánh giáo:

"Khi ấy, Đại Tuệ bạch Phật rằng. Bạch Đức Thế tôn! Nếu ngoại đạo thế luận các thứ cú vị nhân dụ trang nghiêm không có tự thông, từ việc chấp đắm, Thế tôn cũng nói thế luận, vì các chúng, trời người A-tu-la nơi khác đến pháp hội nói rộng vô lượng các cú vị, cũng chẳng phải tự thông ư! Có nhập vào số trí tuệ lời nói của ngoại đạo chăng! Phật bảo Đại Tuệ: ta chẳng nói thế luận, cũng không đến đi, chỉ nói chẳng đến chẳng đi. Này Đại Tuệ! đến là đến chỗ nhóm họp sinh, đi là tan hoại. Chẳng đến chẳng đi là chẳng sinh chăng diệt. Nghĩa nói ra chẳng rơi vào trong số Thế luận vọng tưởng. Vì sao? Vì nghĩa là chẳng chấp đắm ngoại tánh phi tánh chỗ tự tâm hiện ra, vọng tưởng hai bên không thể xoay chuyển. Tướng cảnh phi tánh, giác tự tâm hiện thì tự tâm hiện

vọng tưởng bất sinh. Vọng tưởng bất sinh thì không, vô tướng, vô tác nhập vào ba môn giải thoát, gọi là giải thoát".

Đây là nêu lên chánh giáo. Ban đầu Đại Tuệ hỏi lại: Như lai nói cũng đồng với Thế luận, gồm có hai câu hỏi, như văn nói v.v... Như vì các chúng trời, người ở phương khác mà nói rộng các pháp, thì tùy ý và lời của họ, đâu chẳng phải nghĩa tự thông. Ta chẳng nói Thế luận, vì Thế luận nói đến đi, Phật chỉ nói không đi không đến. Đến là đến chỗ nhóm họp sinh, nghĩa là đến thì các duyên hòa hợp mà sinh. Đi là nói tan hoại, nghĩa là đi thì duyên tan mà diệt mất. Phật nói khác là nói chẳng đi chẳng đến, tức bất sinh không diệt, chính là chỗ thông của ta. Đáp câu hỏi thứ hai: Chẳng rơi vào số vọng tưởng Thế luận, tức ngoại đạo phân biệt hữu vô là số vọng tưởng, lại tự nêu lên giải thích, nói không chấp hai bên, vì không chấp nên vọng tưởng hữu vô chẳng thể xoay chuyển, vì cảnh giới tự tưởng chẳng có tánh, chẳng có tánh tức là không, thì có gì mà chuyển. Lại nói giác tự tâm hiện, đã hiểu rõ các pháp duy tâm, thì vọng tưởng từ đâu mà sinh. Do bất sinh nên không nhập vào ba môn giải thoát. Không là tánh không. Vô tướng là tướng không. Vô tác là tánh tướng đều không, tâm không có sở tác. Vô tác còn gọi là vô nguyện, nghĩa là không nguyện cầu.

22. Dẫn luận phân tích rộng về tà chánh:

Này "Đại Tuệ! Ta nhớ một thuở nọ ta trụ ở một nơi, có Bà-la-môn Thế luận đến chỗ ta, không hỏi thăm sức khỏe mà hỏi ta rằng: "Cù-đàm! Tất cả tạo ra chăng?" Ta đáp: "Bà là môn! Tất cả có tạo ra, ấy là luận thứ nhất". Bà-la-môn Kia lại hỏi rằng: "Tất cả chẳng phải tạo ra chăng?". Ta lại đáp: "Tất cả chẳng tạo ra là thế luận thứ hai". Bà-la-môn kia lại hỏi rằng: "Tất cả là thường chăng? Tất cả là vô thường phải chăng? Tất cả là sinh phải chăng? Tất cả là chẳng sinh phải chăng!" Ta đáp rằng: "Đó là Thế luận thứ sáu". Này Đại Tuệ! Kia lại hỏi ta rằng. "Tất cả là một chăng? Tất cả là khác phải chăng? Tất cả là đồng phải chăng? Tất cả là chẳng đồng phải chăng? Tất cả nhân các thứ thọ sinh hiện phải chăng?" Ta đáp rằng "Đó là thế luận thứ mười một". Này Đại Tuệ! Bà-la-môn kia lại hỏi rằng: "Tất cả là vô ký phải chăng? Tất cả là ký chăng? Có ngã phải chăng? Không ngã chăng? Có đời nay phải chăng? Không có đời này phải chăng? Có đời khác phải chăng? Không có đời khác phải chăng? Có giải thoát phải chăng? Không giải thoát phải chăng? Tất cả là sát-na phải chăng? Tất cả chẳng phải sát-na phải chăng? Là Hư không phải chăng? Chẳng phải số diệt phải chăng? Niết-bàn chăng? Cù-đàm! Tạo chăng? Chẳng tạo phải chăng? Có trung ấm

chăng? Không có trung ấm phải chăng?" Này Đại Tuệ! Ta đáp rằng: "Nói như thế đều là luận thế gian, điều mà ta chẳng nói chính là thế luận của ông".

Đây là dẫn luận phân tích rộng về tà chánh. Bà-la-môn là tiếng Phạm, nói đủ là Bà-la-hạ-ma-noa, Hán dịch là Tịnh dẫn, cũng dịch là Tịnh hạnh, tự xưng là Tổ từ trong miệng Phạm thiên sinh ra, từ đó mà có họ Phạm, như Phạm chí tức là chủng loại này, chỉ năm xứ Thiên-trúc có, các nước khác không có, lại dịch là Ngoại ý, loại này chỉ có trong kinh sách, đời noi theo nghiệp ấy. Hoặc tại gia hoặc xuất gia, ỷ vào chú thuật của mình mà ngạo mạn. Nói: chẳng hỏi có rảnh rang hay không, không nhàn giống như rảnh rang. Nghi thức thưa hỏi phải đợi lúc rảnh rang, đúng như lễ có lời thưa hỏi, mà kia mạn tự nhiên đến hỏi, do đó mới trách, Bà-la-môn kia hỏi tuy nhiều nhưng đại khái chỉ đáp một Thế luận, do đó bác bỏ. Nói như thế, đều là thế luận tình kiến. Lại nói chẳng phải ta nói, đó là Thế luận của ông, của ngoại đạo.

23. Các thứ luống dối vọng tưởng, các thứ thói quen xấu ác từ vô thỉ là nhân của ba cõi:

"Ta chỉ nói luống dối vọng tưởng thói quen các thứ xấu ác từ vô thỉ là nhân của ba cõi. Không thể giác biết tự tâm hiện lượng mà sinh vọng tưởng phan duyên ngoại tánh, như pháp ngoại đạo, nghĩa các căn của ta ba thứ hòa hợp thức sinh, ta không như thế. Bà-la-môn! Ta không nói nhân, không nói vô nhân, chỉ nói vọng tưởng tánh năng nhiếp, sở nhiếp lập bày duyên khởi. Chẳng phải ông và những người khác rơi và thọ ngã nối nhau mà giác biết được. Này Đại Tuệ! Niết-bàn, hư không diệt, chẳng có ba thứ, chỉ có số ba mà thôi. Đây là Đức Phật tự nêu lên chánh giáo, không ra ngoài ba đường: Vô thỉ đến thói quen phiền não đạo, các thứ nghiệp đạo ác, Ba hữu khổ đạo. Nhân: nghĩa là phiền não nghiệp ác là nhân của đường khổ. Do không thể giác biết các pháp duy tâm hiện ra nên đối với các pháp bên ngoài kia sinh khởi vọng tưởng phan duyên, đây là thuyết nhân duyên chân chính, ngoại đạo không biết được. Lại nói rằng: Như pháp ngoại đạo, lại nêu ngoại đạo kia chấp để nêu thuyết mình. Hỏi ta nghĩa các căn, ba thứ hòa hợp biết sinh, nghĩa là ta và căn cảnh, ba duyên hòa hợp mà biết sinh, tri tức là thức, Phật nói khác. Cho nên nói: Ta không nói nhân, không nói vô nhân, nhân tức là nhân duyên, vô nhân thức là tự nhiên, chỉ nương vọng tâm làm năng thủ sở thủ, mà nói duyên khởi. Ông và các ngoại đạo khác đắm chấp ngã, không dứt bỏ, thì chẳng thể đo lường được. Nói Niết-bàn, hư không diệt, văn dường như cô khởi, và xét câu hỏi của Đại Tuệ, nghĩa

là Như lai nói cũng đồng với Số luận của ngoại đạo, chính bảo rằng: ba thứ vô vi, chỉ số có ba như chẳng phải có ba: nghĩa của ba thứ vô vi có chú thích ở trước.

24. Như lai thuật lại câu hỏi của Bà-la-môn và lời Phật đáp:

"Lại nữa Này Đại Tuệ! Khi ấy Bà-la-môn Thế luận hỏi ta: Vì nghiệp nhân si ái mà có ba cõi hay vì vô nhân? Ta đáp rằng: hai thứ ấy cũng là Thế luận. Kia lại hỏi rằng: tất cả tánh đều nhập vào tự tướng, cộng tướng chăng? Ta lại đáp: đó cũng là Thế luận Bà-la-môn, cho đến ý chạy theo vọng chấp ngoại trần đều là Thế luận. Lại nữa Này Đại Tuệ! Khi ấy, Thế luận Bà-la-môn lại hỏi ta: Có pháp nào chẳng phải Thế luận chăng? Ta đứng đầu tất cả ngoại đạo nói các cú vị nhân duyên thí dụ trang nghiêm. Ta lại đáp: Bà-la-môn! Có, mà chẳng phải ông có, chẳng phải làm, chẳng phải tông, chẳng phải nói, chẳng phải không nói, các thứ cú vị, đều nhờ thí dụ trang nghiêm. Bà-la-môn hỏi: pháp gì chẳng phải Thế luận? Chẳng phải chẳng tông? Chẳng phải chẳng nói? Ta đáp rằng: Bà-la-môn! Có pháp chẳng phải Thế luận, là pháp mà ông và các ngoại đạo không thể biết. Vì ngoại tánh chẳng thật, vọng tưởng luống dối chấp đắm, nghĩa là vọng tưởng chẳng sinh thì giác liễu hữu vô, tự tâm hiện lượng, vọng tưởng bất sinh, chẳng nhận ngoại trần thì vọng tưởng dứt hẳn, đó gọi là chẳng phải Thế luận. Đây là pháp của ta, ông chẳng có. Bà-la-môn! Nói lược thức kia, hoặc đến, hoặc đi, hoặc sinh, hoặc tử, hoặc vui, hoặc khổ, hoặc chìm, hoặc hiện, hoặc xúc, hoặc chấp các tướng, hoặc hòa hợp nối nhau, hoặc ái, hoặc nhân chấp đắm. Bà-la môn! Sự so sánh ấy là Thế luận của ông, ta chẳng có. Này Đại Tuệ! Bà-la-môn Thế luận hỏi như thế, ta đáp như thế, Bà-la-môn liền im lặng, chẳng từ biệt mà bỏ đi. Kia suy xét chỗ tự thông, nghĩ rằng: Sa-môn đệ tử Phật Thích-ca ra ngoài sự thông thường nói vô sinh, vô tướng, vô nhân, giác tự vọng tưởng hiện tướng vọng tưởng chẳng sinh".

Đây là Như lai thuật lại câu hỏi của Bà-la-môn và lời Phật đáp cho Đại Tuệ nghe. Nhưng câu hỏi của ông ta kèm hai ba nghĩa của Phật dùng làm đầu mối câu hỏi, Đức Phật đều đáp là Thế luận. Đây chính là y theo chỗ biết kia, phàm ý thức rong ruổi theo trần, vọng sinh chấp đắm, không phân tà chánh, đều là Thế luận, giúp cho họ không được bỏ lời, do đó phải chặn đứng. Kia luận đã đuối lý, tùy theo điều chẳng phải thế luận thưa hỏi. Như lai nói có, chẳng phải điều ông có, chẳng phải làm, chẳng phải tông, chẳng phải thuyết, cho đến các thí dụ trang nghiêm đều nói là chẳng phải, nghĩa là khác với luận của ông ta. Tuy chỉ bày nhỏ nhiệm nhưng cuối cùng chưa nói chỗ thật, Bà-la-môn kia

một lần nữa thưa hỏi rằng: những gì là không phải chẳng tông, không phải chẳng thuyết? Chính lại dè dặt nói rằng: chẳng phải điều ông biết, vì kia đối với pháp ngoài vọng tưởng chấp đắm, chẳng những không thể tín nhập mà cũng tùy lời sinh giải tăng thêm lỗi kiến chấp kia, cho nên vặn hỏi. Song sau bảo rằng: nghĩa là vọng tưởng chẳng sinh giúp cho họ hiểu rõ hữu vô đều tự tâm hiện, nên vọng tưởng chẳng sinh, chẳng theo trần bên ngoài thì vọng tưởng dứt hẳn, đó gọi là chẳng phải Thế luận. Mới biết các Đức Phật ba đời, đầu tiên không có một pháp cho người, chỉ khiến vọng tưởng bất sinh, thì thiên chân diệu tánh không xa cách mà được lại. Đã nói về chánh luận lại bác bỏ chỗ sai kia. Tự lược nói thức kia, hoặc đến, hoặc đi, cho đến hoặc do chấp đắm đều là chấp vọng thức của ngoại đạo kia. Luận kia đã bị bẻ gãy nên họ hổ thẹn bỏ đi, cũng không chịu nhún nhường, mà còn nói suy xét chỗ tự thông. Lại nói rằng: Sa-môn đệ tử Phật Thích-ca vượt ngoài thông thường, đây đều là ngoại đạo lui sụt mà có xét lời nói, dùng lời Phật nói cầu mong cho mình mà không được, mới biết rằng vượt ngoài tự thông mà nói vô sinh, vô tướng, v.v... quán xét sự lãnh ngộ kia cũng đủ để thấy kia có sở đắc.

25. Tổng kết chỉ ra chỗ hỏi đáp:

Này "Đại Tuệ! Đây là điều ông hỏi ta, vì sao ta nói gần gũi Thế luận các thứ nói năng thì chạy theo tham dục, chẳng nghe chánh pháp. Đại Tuệ bạch phật rằng: chạy theo tham dục và pháp có cú nghĩa gì? Phật bảo Đại Tuệ: Lành thay! Lành thay! ông mới có khả năng vì chúng sinh đời sau suy nghĩ thưa hỏi cú nghĩa như thế. Lắng nghe! Lắng nghe! Khéo suy nghĩ ta, sẽ nói cho nghe. Đại Tuệ bạch Phật: Xin vâng thọ giáo. Phật bảo Đại Tuệ: nói tham, hoặc lấy, hoặc bỏ, hoặc xúc, hoặc vị, bám chặt trần bên ngoài, rơi vào kiến chấp hai bên. Lại sinh khổ ấm sinh già bệnh chết, lo buồn khổ não. Các họa hoạn như thế đều từ ái mà sinh. Đây do gần gũi thế luận và người thực hành theo thế luận. Ta và các Đức Phật gọi là tham, đó gọi là chạy theo tham dục, không thực hành theo pháp". Đây là tổng kết chỉ ra chỗ hỏi chỗ đáp. Đại Tuệ nhân đây lại hỏi nghĩa tham dục và pháp. Trong đây đáp dùng lấy bỏ v.v... làm tham. Tham tức phiền não, do tham cho nên bị trói buộc, chấp chặt ngoại trần v.v... tức tổng kết nghiệp. Lại sinh khổ ấm v.v... là khổ đạo, nhưng đều lấy ái làm gốc. Ái lại do gần gũi Thế luận, và Thế luận giả tức người. Đều năng nhiếp khiến sinh tham, vì thế nói chạy theo tham dục. Nói không thực hành theo pháp, là không chấp nhận chánh pháp.

26. Nói về thực hành theo pháp:

Này "Đại Tuệ! Thế nào là thực hành theo pháp? Nghĩa là khéo hiểu biết tự tâm hiện lượng, thấy tướng người vô ngã và pháp vô ngã, vọng tưởng chẳng sinh. Khéo biết tiến lên địa trên, lìa tâm, ý, ý thức, được tất cả các Đức Phật dùng trí tuệ quán đảnh, thực hành đầy đủ mười câu vô tận, đối tất cả pháp không khai phát tự tại, đó gọi là pháp. Cái gọi là chẳng rơi vào tất cả kiến chấp, tất cả luống dối, tất cả vọng tưởng, tất cả tánh, tất cả hai bên. Này Đại Tuệ! Có nhiều ngoại đạo si mê, chẳng rơi vào hai bên hoặc thường, hoặc đoạn. Chẳng phải người thông minh thì nghe luận vô nhân liền khởi chấp thường, ngoài hoại nhân duyên phi tánh thì khởi chấp đoạn. Này Đại Tuệ! Ta chẳng thấy sinh trụ diệt, gọi là pháp. Này Đại Tuệ! Ấy gọi là tham dục và pháp, ông và các Đại Bồ-tát khác phải nên tu học". Đây đáp thực hành theo pháp, hỏi rằng khéo giác biết v.v... là nói chấp nhận có pháp riêng, tức là hiểu biết chỉ do tâm hiện ra. Chấp hai vô ngã không chấp nơi tướng, lìa các sự phân biệt khéo biết hành tướng của các địa, lìa tâm, ý, ý thức, được các Đức Phật quán đảnh, đầy đủ thọ hạnh mười đại nguyện, đối với tất cả pháp đều được tự tại, đó gọi là pháp lợi. Lại nói rằng không rơi vào tất cả kiến chấp v.v... nghĩa là lìa vọng tưởng hiển bày tự tánh. Phần nhiều ngoại đạo v.v... hễ rơi vào kiến chấp một bên đều là pháp của người ngu. Chẳng phải người thông minh nghĩa là tà kiến đoạn trường. Chẳng phải luận vô nhân của người thông minh Tiểu thừa, nghĩa là tứ bốn đại tánh thường, không nương nhân mà thành, cho nên rơi vào chấp thường. Hoặc chấp nhân bên ngoài hoại diệt, chấp nhân duyên phi tánh thì thành chấp đoạn. Lại nói rằng: ta không thấy sinh trụ diệt, nên sinh mà chẳng sinh, trụ chẳng trụ, diệt mà chẳng diệt, thì khác với đoạn thường, đó gọi là Pháp. Kết thúc khuyên rất dễ hiểu.

27. Đức Thế tôn nói kệ để lặp lại nghĩa trên:

Khi ấy, Đức Thế tôn muốn lặp lại nghĩa này nên nói kệ rằng:

Tất cả thế gian luận
Ngoại đạo nói luống dối
Vọng thấy tác, sở tác
Kia thì không tự tông
Chỉ ta một tự tông
Lìa bỏ tác, sở tác
Nói các đệ tử nghe
Xa lìa các thế luận
Tâm lượng không thể thấy
Chẳng quán sát hai tâm

Nhiếp, sở nhiếp phi tánh
Hai Đoạn thường đều lìa
Cho đến tâm trôi lăn
Thảy đều là thế luận
Vọng tưởng chẳng xoay chuyển
Người này thấy tự tâm
Khi đến là việc sinh
Khi đi cho là mất
Biết rành việc đi đến
Vọng tưởng chẳng còn sinh.
Hữu thường và vô thường,
Sở tác, vô sở tác
Đời này đời khác thảy
Đây đều thế luận thông.

Bốn câu đầu nói Thế luận chấp tác, sở tác, chẳng biết do tâm hiện lượng nên dùng hữu vô làm tông. Nói tác sở tác, tác là năng tác, sở là pháp sở tác, như chấp Phạm thiên do bụi nhỏ sinh. Chỉ ta v.v... Phật nói chỉ ta dùng tự tâm làm tông, lìa bỏ vọng tưởng, năng tác, sở tác, nói chánh pháp này cho các đệ tử nghe giúp cho họ không huân tập Thế luận. Tâm lượng không thể thấy là do tâm lìa tánh chấp, không thể dùng kiến chấp hữu vô, không thể dùng năng nhiếp, sở nhiếp, đó gọi là đoạn thường đều lìa. Hai tâm tức kiến chấp hữu vô. Tâm bị đoạn thường xoay chuyển thì gọi là thế luận. Tâm lìa phân biệt thì không bị xoay chuyển, đó gọi là thấy rõ tự tâm. Nếu ngoại đạo kia chấp đến là việc sinh, đi là việc diệt, tức là việc sinh diệt. Bất hiện tức là diệt. Bồ-tát nói không đến không đi thì bất sinh không diệt, cho nên nói biết rõ việc đi đến, vọng tưởng chẳng còn sinh. Bốn câu sau chỉ nói thế luận, như văn rất dễ hiểu.

28. Tổng kết bác bỏ các chấp:

"Khi ấy, Bồ-tát Đại Tuệ lại bạch Phật: Bạch Đức Thế tôn! Cái gọi là Niết-bàn, nói những pháp gì gọi là Niết-bàn, mà các ngoại đạo đều khởi vọng tưởng? Phật bảo Này Đại Tuệ! Lắng nghe! Lắng nghe! Hãy khéo suy nghĩ ta sẽ nói cho ông nghe. Như các ngoại đoại vọng tưởng Niết-bàn, chẳng phải vọng tưởng kia thuận theo Niết-bàn. Đại Tuệ bạch Phật: Xin vâng thọ giáo. Phật bảo Đại Tuệ: Hoặc có ngoại đạo ấm, giới, nhập, diệt, cảnh giới lìa dục, thấy pháp vô thường, các thứ tâm, tâm sở chẳng sinh, chẳng nghĩ cảnh giới quá khứ, vị lai, hiện tại, các thọ ấm hết, như ngọn đèn tắt, như hạt giống hư, vọng tưởng chẳng

sinh, đối với các pháp này nghĩ là Niết-bàn. Này Đại Tuệ! Chẳng phải do kiến hoại gọi là Niết-bàn". Trước nói về Niết-bàn mà Nhị thừa đắc và ngoại đạo, lấy vọng tưởng thức diệt làm Niết-bàn, phân biệt rõ này. Đại Tuệ đối với điều này lại có lời thưa hỏi, sợ lý chưa cùng thấy rõ chưa tận, hoặc rơi vào tà kiến thì đạo rốt ráo giải thoát, thành vô thượng Bồ-đề, lại bị xâm tổn, pháp thân tuệ mạng vốn có không đắc mà hiển, đây là nỗi lo âu của Đại Tuệ, chẳng thể không thưa hỏi lại. Như lai bèn bảo rằng: hoặc có ngoại đạo ấm, giới, nhập diệt, nghĩ là Niết-bàn, xét trong luận Đề-bà giải thích. Ngoại đạo vọng chấp Niết-bàn có hai mươi thứ, đây là Niết-bàn thứ nhất. Luận nói rằng. Các thọ ấm hết, như ngọn đèn tắt, hạt giống hư, như ngọn gió ngừng, gọi là Niết-bàn. Văn này lại nói: Cảnh giới lìa dục v.v... nghĩa là đối với cảnh giới sáu trần không ô nhiễm nên gọi là lìa dục, thấy các pháp vô thường, không khởi tâm, tâm sở, vì chẳng nghĩ cảnh giới quá khứ, vị lai, hiện tại, các thọ ấm hết, như ngọn đèn tắt, như hạt giống hư. Thọ diệt thì tưởng diệt, cho nên nói vọng tưởng chẳng sinh, vả lại y theo tưởng diệt mà nói như vậy, thật ra kiến tưởng không dứt nên bác bỏ rằng, chẳng phải dùng kiến hoại làm Niết-bàn, đây là tổng kết bác bỏ các chấp.

29. Đây là loại Niết-bàn thứ hai mà ngoại đạo nói:

"Này Đại Tuệ! Hoặc từ nơi này đến nơi khác gọi là giải thoát, cảnh giới tưởng diệt giống như gió dừng, hoặc do năng giác, sở giác thấy hoại gọi là giải thoát, hoặc thấy thường vô thường nghĩ là giải thoát, hoặc thấy các tướng chiêu cảm nhân sinh khổ, suy nghĩ việc ấy rồi, chẳng khéo giác biết tự tâm hiện lượng, kinh sợ đối với tướng mà chấp vô tướng, rất sinh yêu thích nghĩ là Niết-bàn". Từ nơi này đến nơi kia ấy, luận nói rằng: đây là Niết-bàn thứ hai mà ngoại đạo nói. Ban đầu có nơi chốn từ nơi chốn sinh thế gian và loài người, người sinh trời đất, thứ lớp diệt hết, trở vào trong chỗ đó. Nói nơi chốn là thường, gọi là nhân Niết-bàn, có chỗ gọi phương, giống như phương sở, cũng là kia đây, nghĩa là từ kia đến đây không mất bản tánh. Lại nói rằng: cảnh giới tưởng diệt cũng như gió dừng. Thuyết mới nói rằng: phong tiên ngoại đạo, chấp gió có khả năng sinh sát muôn vật, nói tánh gió thường gọi là Niết-bàn, có chỗ nói rằng gió dừng thì không còn dấu vết. Nói năng giác, sở giác v.v... ngoại đạo nói giác nhiều gọi là giác tưởng. Kinh Nhập Lăng-già chép: Không thấy năng giác, sở giác gọi là Niết-bàn, thấy hoại tức không thấy. Nói thường, vô thường v.v... xét trong luận, ngoại đạo nói: Sự gọi là Y-xa-na, hình không thể thấy trùm khắp tất cả mọi nơi, có khả năng sinh ra muôn vật, năng sinh là thường,

gọi là Niết-bàn, vật sở sinh tức gọi là vô thường, giải thoát và Niết-bàn tên khác mà nghĩa đồng. Nói các tướng tưởng, v.v... đây là dùng tướng tưởng là nhân khổ, không biết tướng tức do tự tâm hiện, bỏ chấp tướng mà đắm vô tướng, đối với sự yêu thích này cho là Niết-bàn.

30. Tất cả đều hết cho là Niết-bàn:

"Hoặc có khi giác biết các pháp trong ngoài, tự tướng, cộng tướng quá khứ, hiện tại, vị lai có tánh bất hoại, nghĩ là Niết-bàn. Hoặc cho là ngã, nhân, chúng sinh, thọ mạng tất cả pháp hoại, nghĩ là Niết-bàn, hoặc ngoại đạo ác thiêu đốt trí tuệ, thấy tự tánh và sĩ phu hai bên có ngăn cách, sĩ phu hiện ra gọi là tự tánh, như loại Minh sơ tỷ nói cầu-na chuyển biến, Niết-bàn. Nói phước chẳng phải phước v.v... hoặc nói các phiền não hết, hoặc cho rằng trí tuệ, hoặc thấy tự tại là chân thật người tạo ra sinh tử, nghĩ là Niết-bàn". Nói giác biết các pháp trong ngoài, tức giác tưởng phân biệt các pháp căn trần v.v... tự tướng, cộng tướng, khác nhau giữa ba đời, tánh thần ngã chẳng hoại cho là Niết-bàn. Nói nhân ngã v.v... vọng cho rằng pháp bốn tướng hoại diệt cho là Niết-bàn. Nói trí tuệ ác thiêu đốt, đây chính là ác kiến thiêu đốt diệt trừ chánh trí, gốc của tự tánh ngã kiến. Sĩ phu là một trong mười sáu tri kiến, hai thứ có gián cách, gián là khác vậy. Nghĩa là tự tánh kia và sĩ phu hai bên có cách gián khác nhau. Nhưng tự tánh từ sĩ phu mà ra, giống như Minh sơ sinh giác. Hoặc nói hai cái có từ sơ sinh giác là một cái có từ trần sinh đại là một cái có, ý văn không nhất quán. Nếu thuyết theo kia thì không hợp. Lại nói như Minh sơ tỷ. Nói cầu-na chuyển biến v.v... nghĩa là nương tự tánh chuyển biến có khả năng tạo ra các pháp, cho là Niết-bàn. Nói phước chẳng phải phước v.v... là chẳng phải tội phước, nghĩa là tội phước đều hết, tất cả đều hết cho là Niết-bàn. Nói phiền não hết v.v... Xét trong luận, phiền não và trí tuệ vốn là một, chấp cho là phiền não hết, nương trí tuệ gọi là Niết-bàn. Hoặc thấy tự tại v.v... luận chép: Trời Tự Tại có khả năng tạo tác chúng sinh sinh tử, năng tác gọi thường là Niết-bàn.

31. Chấp tự nhiên là Niết-bàn:

"Có Chỗ cho rằng xoay vần sinh nhau. Sinh tử không còn nhân khác, như thế tức là chấp chặt nhân, mà kia ngu si không thể giác biết, vì không biết nên nghĩ là Niết-bàn. Hoặc có ngoại đạo nói được đạo chân đế, nghĩ là Niết-bàn, hoặc thấy công đức và công đức sở khởi, hòa hợp một khác, đồng chẳng đồng, nghĩ là Niết-bàn, hoặc thấy tự tánh sở khởi chim công nhiều màu sắc, các thứ vật báu và tánh gai nhọn v.v..., thấy rồi nghĩ là Niết-bàn". Nói xoay vần sinh nhau là vọng chấp của

Luận sư Ni-kiền-tử, kiếp sơ sinh một nam một nữ, khi kia hòa hợp xoay vần sinh nhau, tất cả vật hoại lại trở về chỗ kia, nghĩa là ngoài ra không còn có nhân khác, họ không biết chấp đắm như vậy là nhân quả sinh tử, mà kẻ ngu si kia không biết, cho là Niết-bàn. Nói được đạo chân đế... luận sư Tăng-khư chấp hai mươi lăm đế từ Minh sơ sinh, nói là chứng đạo chân thật cho là Niết-bàn. Hoặc thấy công đức, các gọi là công đức của ngoại đạo thì thường chỉ cho khổ hạnh, vẫn ở chỗ ấy khởi hòa hợp, khởi chấp bốn câu cho là Niết-bàn. Hoặc thấy tự tánh v.v... Kinh Nhập Lăng-già chép: Hoặc chấp các vật từ tự nhiên sinh, máu sắc chim Công và gai nhọn, chỗ sinh châu báu xuất ra các thứ báu. Các việc như thế thì ai có thể làm liền chấp tự nhiên cho là Niết-bàn.

32. Ngoại đạo thấy các thứ vọng chấp là Niết-bàn:

Này "Đại Tuệ! Hoặc có người giác hai mươi lăm chân thật, hoặc vua giữ gìn đất nước nhận Lục đức luận nghĩ là Niết-bàn. Hoặc thấy "thời" là tác giả, thời tiết thế gian, người giác như thế nghĩ là Niết-bàn, thời có thay đổi nhưng tác giả không thay đổi, người giác như thế v.v... cho là Niết-bàn. Nói tánh phi tánh. Kinh Nhập Lăng-già chép: Hoặc chấp có vật hoặc chấp không vật, hoặc chấp có vật, không vật, cùng cho là Niết-bàn. Đây gọi là tánh tánh tức pháp pháp tức vật. Nói có giác v.v... nghĩa là muôn vật là dao động, Niết-bàn là vắng lặng, hai thứ này không khác nhau cho là Niết-bàn. Trên đã nói ngoại đạo các thứ vọng chấp thấy là Niết-bàn. Đầy đủ như trong luận Đề-bà... có giải thích rộng tướng ấy.

33. Tổng kết bác bỏ:

"Có các thứ vọng tưởng như thế, ngoại đạo nói ra bất thành sở thành, người trí dứt bỏ. Này Đại Tuệ! Như thế tất cả đều rơi vào hai bên, nghĩ là Niết-bàn. Các Niết-bàn vọng tưởng như thế, trong ấy đều không có hoặc sinh, hoặc diệt. Này Đại Tuệ! mỗi thứ Niết-bàn của ngoại đạo kia họ tự soạn luận. Trí tuệ quán sát đều không có chỗ lập, nluống dối tưởng kia, tâm ý đến đi, trôi giạt xao động, tất cả không có được người nào Niết-bàn". Đoạn văn này tổng kết bác bỏ gồm có năm:

1. Nói bất thành sở thành, vì kia đều là vọng tưởng tuy chấp Niết-bàn mà không thành Niết-bàn, bị người trí dứt bỏ. 2. Lại nói: như vậy tất cả đều rơi vào hai bên. 3. Do kia vọng chấp sinh diệt mà thật pháp kia không hề sinh diệt. 4. Nhưng điều họ chấp đều là tà luận, dùng chánh trí quán sát không chỗ thành lập. 5. Lại vì tâm tưởng kia trôi giạt xao động nương tánh Niết-bàn, cho nên không có đắc Niết-bàn. Do sự giải thích này đủ để nói lên vọng kia.

34. Đối với tà mà hiển bày chánh:

Này "Đại Tuệ! Như ta nói Niết-bàn là khéo giác biết tự tâm hiện tượng, chẳng mê đắm tánh bên ngoài, lìa bốn câu thấy chỗ như thật, chẳng rơi vào tự tâm hiện, vọng tưởng hai bên, năng nhiếp sở nhiếp không thật có, tất cả độ lượng không thấy được thành, kẻ ngu đối với chân thật không nên chấp nhận, buông bỏ kia rồi được tự giác Thánh pháp. Biết hai vô ngã lìa hai phiền não, dứt sạch hai chướng, lìa hai hẳn hai sinh tử, thẳng tiến lên vào Như lai địa, các Tam-muội sâu xa như bóng, như huyễn v.v... lìa tâm, ý, ý thức gọi là Niết-bàn. Này Đại Tuệ! Ông và các Đại Bồ-tát khác phải nên tu học, phải mau xa lìa tất cả kiến chấp Niết-bàn của ngoại đạo". Như ta nói v.v... là đối tà mà hiển bày chánh. Văn kia cũng có năm: 1. Nghĩa là khéo giác biết tự tâm hiện lượng, chẳng mê đắm tánh bên ngoài. 2. Lìa bốn câu chỗ thấy như thật. 3. Không rơi vào tự tâm hiện, vọng tưởng hai bên, thì năng chấp, sở chấp không thật có. 4. Tất cả độ lượng không chấp được thành, là nói rõ Niết-bàn Như lai vượt ngoài tà thuyết của ngoại đạo. 5. Độ lượng tức số. Kẻ ngu đối với chân thật không nên chấp nhận, ngu tức quên, là quên lý chân thật, tùy theo chỗ thấy, không nên chấp đắm. Nói dứt bỏ kia rồi, nghĩa là dứt bỏ vọng kiến kia rồi thì được pháp tự giác Thánh trí, biết người pháp vô ngã, lìa hai hoặc chung riêng, trừ hoặc chướng, trí chướng, lìa sinh tử phần đoạn, sinh tử biến dịch, dần dần trải qua các địa, đạt đến Phật địa. Đây đều là pháp sở chứng. Tam-muội sâu như bóng, như huyễn lìa tâm, ý, ý thức, đều có khả năng hiển bày Niết-bàn. Cuối cùng luận về ba đức Niết-bàn, cái gọi nói là tạng bí mật của Như lai. Như ba điểm của chữ y, ba mắt của Thiên chủ, không ngang không dọc, dứt bặt suy tư nói năng, an trụ như vậy gọi là rốt ráo Niết-bàn, cho nên khuyên bảo người học nên phải tu hành, phải lìa kiến chấp Niết-bàn của ngoại đạo.

35. Đức Thế tôn nói kệ để lặp lại nghĩa trên:

Khi ấy, Đức Thế tôn muốn lặp lại nghĩa này nên nói kệ rằng:

"Ngoại đạo chấp Niết-bàn
Họ đều khởi vọng tưởng
Đây từ tâm tưởng sinh
Không phương tiện giải thoát
Người ngu tự trói buộc
Xa lìa phương tiện khéo
Ngoại đạo tưởng giải thoát
Giải thoát chẳng hề sinh

Các trí đều khác đường
Ngoại đạo chỗ thấy thông
Kia đều không giải thoát
Vì ngu si vọng tưởng".

Bài tụng trên nói về kiến chấp vọng tưởng Niết-bàn của ngoại đạo. Nói họ đều, như văn trước đã nêu. Có hai mươi mốt thứ khác nhau, nhưng đều khởi tâm tưởng tà tập. Nói không có phương tiện giải thoát, muốn cởi bỏ sự trói buộc của sinh tử mà được giải thoát, không khéo léo thực hành phương tiện thì không được. Đã không có phương tiện giải thoát thì đâu thể nhập Niết-bàn. Ngu là ngu mê, do ngu mê nên không hiểu điều đã chấp. Tà kiến là sự trói buộc của phiền não sinh tử, cho nên lìa bỏ phương tiện khéo léo mà muốn cầu giải thoát thì không bao giờ được. Các trí là nói bốn trường hợp , các ngoại đạo khổ hạnh thành lập được thông trí, đó là vọng chẳng phải chân.

36. Tổng kết bác bỏ các chấp của ngoại đạo:

"Tất cả ngoại đạo si
Vọng chấp tác sở tác
Phẩm luận hữu, vô hữu
Kia đều không giải thoát
Phàm ngu ưa vọng tưởng
Chẳng nghe tuệ chân thật
Lời nói gốc ba khổ
Chân thật diệt nhân khổ
Thí như bóng trong gương
Tuy hiện mà chẳng có
Đối gương tâm vọng tưởng
Kẻ ngu thấy có hai
Chẳng biết tâm và duyên
Ắt khởi hai vọng tưởng
Rõ tâm và cảnh giới
Vọng tưởng sẽ chẳng sinh
Tâm ấy là các thứ
Xa lìa tướng, sở tướng
Việc hiện mà không hiện
Như ngu kia vọng tưởng".

Tất cả ngoại đạo si vọng thấy tác, sở tác, hai câu này là tổng kết bác bỏ các chấp của ngoại đạo. Hữu, vô hữu trở xuống là nói vọng tưởng chân thật, nghĩa là vọng tưởng vượt ra ngoài ngôn luận, là gốc

của ba khổ. Chân thật trái với vọng tưởng, cho nên vì diệt nhân của khổ, ý muốn giúp cho phàm phu bỏ mê về ngộ. Lại dùng ví dụ hiển bày, gương dụ cho tâm, bóng dụ cho gương, phàm phu không thể hiểu cảnh do tâm tạo, cho nên chấp ngoài tâm có pháp mà sanh phân biệt, như thấy bóng trong gương mà nghĩ là thật, chính là thấy có hai, nên nói chẳng biết tâm và duyên thì sẽ khởi hai vọng tưởng. Duyên tức là cảnh. Nếu hiểu tâm cảnh như một thì vọng từ đâu sinh khởi. Tâm trở xuống bốn câu, hợp với ví dụ bóng trong gương ở trên. Các cảnh. Đã biết các cảnh duy tâm thì không có năng tướng, sở tướng. Sự tức cảnh, nói sự hiện cảnh, như bóng trong gương không thật, nhưng kẻ ngu mê không hiểu, tự sinh phân biệt mà thôi.

37. Ba cõi, sáu đường sinh tử đều không thật thể: "Ba cõi chỉ vọng tưởng
Nghĩa ngoài đều không có Vọng tướng các thứ hiện Phàm ngu không thể rõ Các kinh nói vọng tưởng Đều chẳng ngoài tên gọi
Nếu xa lìa lời nói
Cũng không có sở thuyết".

Ba hữu là ba cõi, nghĩa ngoài tức cảnh bên ngoài. Nghĩa là ba cõi, sáu đường sinh tử đều không thật thể, chỉ do vọng tưởng chấp các thứ cảnh bên ngoài này, cho nên nói phàm ngu không thể hiểu. Đây là tổng kết lỗi của mê vọng. Nhưng Như lai nói các pháp đều chor ằng các chúng sinh do vọng tưởng nên chìm đắm trong sinh tử, ý muốn cho chúng sinh bỏ vọng về chân, an trụ Niết-bàn. Nhưng chúng sinh chấp chặt danh tự lời nói, không thể quên lời được ý, nếu hiểu lời nói mà không lời nói, thì pháp sở thuyết cũng không thật có, như được cá quên nôm. Đây là ý nghĩa sâu xa của Như lai dạy người.

■